

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành lập ngày 18 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 235/2022/TLST - KDTM ngày 10 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ: Số 02 phố L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; Đăng ký kinh doanh số: 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ **13 ngày 17/02/2021**. Đại diện theo pháp luật: Ông **Tiết Văn T**. Chức danh: Tổng Giám đốc; **Đại diện theo ủy quyền:** Ông **Trịnh Xuân L** - Chức danh: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh Đ, là đại diện ủy quyền theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án.

Đại diện ủy quyền lại: Ông **Lê Văn T** - Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng N – Chi nhánh Đ (Theo Giấy ủy quyền số 1156/UQ-NHNoĐA ngày 12/11/2021 của Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh Đ)

2. Bị đơn: Công ty CP H; Địa chỉ: Số 9 Khu D, Thị trấn S, huyện S, TP Hà Nội. Đại diện theo pháp luật của Công ty: ông Trần Bá H - Tổng giám đốc Công ty CP H

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

3.1. Ông: Nguyễn Văn T. Sinh năm 1967

3.2. Bà: Nguyễn Thị T1. Sinh năm: 1972

3.3. Anh Nguyễn Trung T2, sinh năm 1993

3.4. Chị Trần Thị C, sinh năm 1993;

3.5. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991

3.6. Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1992

Đều cư trú tại: Xóm T, xã Đ, huyện S, TP Hà Nội;

3.7. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thơm: Luật sư Nguyễn Đức T4 và Nguyễn Thị Minh K – Công ty Luật TNHH Đ – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ông: Nguyễn Văn P. Sinh năm: 1969

4.2. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1975;

Địa chỉ tại: Thôn D, xã T, huyện S, TP Hà Nội

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phúc, bà Ngọc: Luật sư Nguyễn Hồng T5 – Văn phòng luật sư N – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

4.2. Ông: Dương Thanh C. Sinh năm: 1962;

4.3. Bà: Lê Thị L. Sinh năm: 1962;

4.4. Anh Dương Trung Đ, sinh năm 1991,

4.5. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1992 và

4.6. Anh Dương Thanh H, sinh ngày 25/8/2003 (là con ông C, bà L);

Địa chỉ tại: Thôn K, xã L, huyện S, TP Hà Nội;

4.7. Ông Trần Bá H. Sinh năm: 1969;

4.8. Bà: Ngô Thị M. Sinh năm: 1970;

4.9. Ông: Trần Quang H1. Sinh năm: 1989

4.10. Chị Cao Thị Ngọc B, sinh năm 1991;

4.11. Anh Trần Văn H2, sinh năm 1993

4.12. Chị Hoàng Thị H3, sinh năm 1990.

Đều cư trú tại: Thôn K, xã L, huyện S, thành phố Hà Nội

II/ Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. **Về số tiền vay nợ:** Công ty CP H còn nợ Ngân hàng N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/11/2022 là **65,853,184,522** đồng. Trong đó: Số nợ gốc: **16,165,950,532** đồng; Số nợ lãi trong hạn: **4,273,439,583** đồng; Số nợ lãi quá hạn: **45,395,794,407** đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201005130 ngày 22/11/2010.

2. Phương thức trả nợ như sau: Công ty CP H có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng N theo lộ trình và số tiền trả nợ được trừ vào nợ gốc như sau:

+ Ngày 23/9/2022, Công ty CP H trả cho Ngân hàng N số tiền 2,000,000,000 đồng.

+ Ngày 31/12/2022, Công ty CP H trả cho Ngân hàng N số tiền 2,000,000,000 đồng.

+ Ngày 31/3/2023, Công ty CP H trả cho Ngân hàng N số tiền 2,000,000,000 đồng.

+ Ngày 30/6/2023, Công ty CP H trả cho Ngân hàng N số tiền 2,000,000,000 đồng.

+ Ngày 30/9/2023, Công ty CP H trả cho Ngân hàng N số tiền 2,000,000,000 đồng.

+ Ngày 30/12/2023, Công ty CP H trả cho Ngân hàng N số tiền 2,000,000,000 đồng.

+ Ngày 31/3/2024, Công ty CP H trả cho Ngân hàng N số tiền 4,165,950,532 đồng.

+ Hết tháng 4/2024, Công ty CP H có tranh nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền còn nợ và lãi phát sinh.

3. Kể từ ngày 19/8/2022, Công ty CP H phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc thực tế theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201005130 ngày 22/11/2010 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

4. Trong trường hợp Công ty CP H vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu thi hành án phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

4.1. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 259a, tờ bản đồ số 06, diện tích 596m² tại địa chỉ Thôn K, xã L, huyện S, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 339982 do UBND huyện S - TP Hà Nội cấp ngày 31/3/2009, vào sổ cấp GCN QSDĐ số H 00465 mang tên Ông Dương Thanh C và bà Lê Thị L. Phạm vi bảo đảm là 3.000.000.000 đồng bao gồm cả gốc lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh

4.2. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 135, 136 tờ bản đồ số 01, diện tích 347 m² tại địa chỉ Thôn K, xã L, huyện S, TP Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 834399 do UBND huyện S - TP Hà Nội cấp ngày 6/5/2003, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 00022.QSDĐ mang tên hộ ông Trần Bá H. Phạm vi bảo đảm là 2.018.250.000 đồng bao gồm cả gốc lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh

4.3. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ số 06, diện tích 302 m² tại địa chỉ Thôn D, xã T, huyện S, TP Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 804781 do UBND huyện S - TP Hà Nội cấp ngày 19/4/2004, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 01084.QSDĐ mang tên hộ ông Nguyễn Văn P. Phạm vi bảo đảm là 6.030.000.000 đồng bao gồm cả gốc lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh

4.4. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 145+147, tờ bản đồ số 09, diện tích 859 m² tại địa chỉ Thôn T, xã Đ, huyện S, TP Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 546742 do UBND huyện S - TP Hà Nội cấp ngày 7/7/2006, vào sổ cấp GCN QSDĐ số H 00417 mang tên ông Nguyễn Văn T. Phạm vi bảo đảm là 4.731.750.000 đồng bao gồm cả gốc lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh

5. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Trung T2, chị Trần Thị C, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn C1 rút yêu cầu độc lập về việc tuyên bố vô hiệu Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201005130 ngày 22/11/2010 và Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 870/TC/2009 ngày 22/10/2009 tại phòng công chứng số 5, thành phố Hà Nội.

6. Về án phí KDTM:

6.1. Tổng số tiền án phí là **173,853,184** đồng. Do các bên thỏa thuận được nên chỉ phải chịu $\frac{1}{2}$ = **86,926,592 đồng**. Công ty CP H tự nguyện chịu cả toàn bộ số tiền án phí.

6.2. Ngân hàng N được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **87,440,000** đồng theo biên lai thu số AA/2020/0045709 ngày 09/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, Hà Nội.

6.3. Hoàn trả ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1 được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **3,000,000** đồng theo biên lai thu số AA/2020/0046737 ngày 12/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, Hà Nội.

6.4. Anh Nguyễn Trung T2, chị Trần Thị C được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **3,000,000** đồng theo biên lai thu số AA/2020/0046736 ngày 12/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, Hà Nội.

6.5. Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn C1 được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **3,000,000** đồng theo biên lai thu số AA/2020/0046735 ngày 12/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, Hà Nội.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND;
- Chi cục THA dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án.

THẨM PHÁN

Thịnh Quang Thắng